



CÔNG TY CPXD 1369

Số: 138/CVGT-C69

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“ Giải trình về chênh lệch LNST và KQ  
SXKD 6 tháng đầu năm 2020”

Hải Dương, ngày 25 tháng 08 năm 2020

## GIẢI TRÌNH VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Quý cổ đông Công ty CP XD 1369.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính tổng hợp quý II/2020 được ký ngày 25/07/2020 và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được ký ngày 21/08/2020 (đã được soát xét) của Công ty Cổ phần xây dựng 1369. Công ty Cổ Phần Xây Dựng 1369 xin giải trình nguyên nhân một số chỉ tiêu của báo cáo bán niên năm 2020 thay đổi so với cùng kỳ năm 2019 và báo cáo tài chính quý II/2020, cụ thể như sau:

### 1. Về LNST thu nhập doanh nghiệp.

LNST thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQHĐKD của BCTC bán niên soát xét năm 2020 giảm 38% so với BCTC bán niên soát xét năm 2019 vì do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid 19, chi phí sản xuất tăng cao nên lợi nhuận sau thuế của Công ty sụt giảm.

### 2. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các chỉ tiêu	Báo cáo quý II/2020	Báo cáo bán niên soát xét	Chênh lệch
Doanh thu	141.879.684.876	140.510.373.098	-0.97%
Chi phí bán hàng	4.246.569.283	4.246.569.283	0%
Chi phí khác	9.027.681.057	8.337.937.094	-8%
LNST	1.714.861.784	1.549.299.439	-11%

KQHĐKD lũy kế từ đầu năm tại báo cáo KQHĐKD quý II/2020 đã công bố có sự chênh lệch so với BCTC bán niên được soát xét năm 2020 là do: Công ty đang ghi nhận trước doanh thu của việc cho thuê bất động sản đầu tư (quý III/2020) và giảm doanh thu nội



trước doanh thu của việc cho thuê bất động sản đầu tư (quý III/2020) và giảm doanh thu nội bộ bán hàng cho chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 tại Quảng Bình. Vì vậy, sau soát xét số liệu có sự chênh lệch so với báo cáo quý II/2020.

Vậy thay mặt Ban điều hành Công ty trân trọng giải trình và báo cáo. /s/

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THÚY



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG 1369**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 39

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800282385, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 8 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật, trong đó thay đổi lần thứ 16 ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
- Điện thoại : 0220 3891898

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần 1369 Quảng Bình đặt tại địa chỉ tại thôn 3B, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

**Hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cấp thoát nước – môi trường nước trong quy hoạch xây dựng; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa chất công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phụ gia sản xuất xi măng, bán buôn khoáng sản đá đã qua chế biến;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Minh Tân	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2019
Ông Vương Anh Tuấn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2019
Ông Lê Anh Luân	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2016
Bà Đào Thị Đằm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Tuấn Nghĩa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Hồng Vân	Trưởng ban	Ngày 07 tháng 5 năm 2019
Bà Cao Hà Linh	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2016
Bà Phạm Thị Doan	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2016

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Tuấn Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2018
Bà Phạm Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Tiến Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2020
Bà Phạm Thị Thê	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2020

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Tuấn Nghĩa – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**



**Lê Tuấn Nghĩa**

Ngày 21 tháng 8 năm 2020

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0469/20/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 29 tháng 7 năm 2019 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 16 tháng 3 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc**

*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>298.676.187.534</b>	<b>300.570.371.731</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>9.792.052.949</b>	<b>13.813.646.236</b>
1. Tiền	111		9.792.052.949	13.813.646.236
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.000.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>122.546.516.653</b>	<b>132.560.364.519</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	66.949.764.611	70.555.056.267
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.531.088.711	11.134.697.631
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	49.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	28.065.663.331	1.070.610.621
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>161.617.931.360</b>	<b>152.757.042.835</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	161.617.931.360	152.757.042.835
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.719.686.572</b>	<b>1.439.318.141</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	260.720.683	213.420.979
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.458.952.762	297.911.998
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	13.127	927.985.164
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.229.126.280</b>	<b>44.821.830.782</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>377.900.000</b>	<b>377.900.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	377.900.000	377.900.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.674.355.647</b>	<b>39.403.770.279</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	23.695.595.525	25.937.322.411
<i>Nguyên giá</i>	222		40.726.135.458	41.054.680.934
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.030.539.933)	(15.117.358.523)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	12.978.760.122	13.466.447.868
<i>Nguyên giá</i>	225		14.902.686.365	14.902.686.365
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.923.926.243)	(1.436.238.497)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>3.171.875.003</b>	<b>3.390.625.001</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		3.500.000.000	3.500.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(328.124.997)	(109.374.999)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>522.763.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	522.763.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.004.995.630</b>	<b>1.126.771.866</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.004.995.630	1.126.771.866
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>339.905.313.814</b>	<b>345.392.202.513</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>186.750.581.487</b>	<b>189.195.769.625</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>183.515.023.478</b>	<b>184.239.594.618</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	47.729.997.938	68.007.295.815
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13.524.707.766	14.375.478.202
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.881.729.502	1.912.046.082
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	953.287.500	876.576.847
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	109.090.908	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	4.591.000.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	114.725.209.864	99.068.197.672
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.235.558.009</b>	<b>4.956.175.007</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	3.235.558.009	4.956.175.007
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>153.154.732.327</b>	<b>156.196.432.888</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>153.154.732.327</b>	<b>156.196.432.888</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.154.732.327	6.196.432.888
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.605.432.888	6.196.432.888
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.549.299.439	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>339.905.313.814</b>	<b>345.392.202.513</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thụy

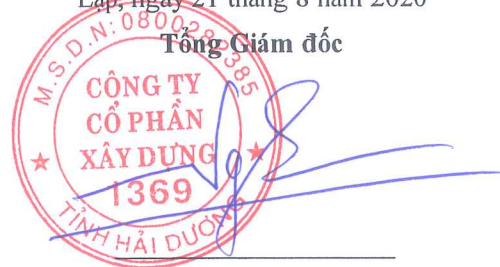
Kế toán trưởng



Trần Thị Tuyết

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Nghĩa

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	137.209.164.047	141.920.181.625
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		137.209.164.047	141.920.181.625
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	125.790.121.872	125.299.585.942
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.419.042.175	16.620.595.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.321.415.764	141.577.862
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.298.661.563	3.066.846.459
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.914.365.382	3.061.865.327
8. Chi phí bán hàng	25		4.246.569.283	4.999.208.578
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.379.872.089	5.122.643.583
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.815.355.004	3.573.474.925
11. Thu nhập khác	31	VI.6	979.793.287	726.035.644
12. Chi phí khác	32	VI.7	659.403.442	963.908.588
13. Lợi nhuận khác	40		320.389.845	(237.872.944)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.135.744.849	3.335.601.981
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	586.445.410	843.728.979
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.549.299.439	2.491.873.002
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	103	249
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	103	249

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thụy

Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Nghĩa

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.135.744.849</b>	<b>3.335.601.981</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10,11	3.145.639.185	2.369.959.726
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	3.891.106	(14.842.943)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.894.272.571)	71.844.361
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.914.365.382	3.061.865.327
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.305.367.951</b>	<b>8.824.428.452</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39.956.611.402)	(39.167.127.042)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.860.888.525)	(26.875.782.785)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(21.108.235.758)	28.686.264.413
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		74.476.532	168.203.215
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.007.065.382)	(3.061.865.327)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(357.422.984)	(1.218.130.599)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(66.910.379.568)</b>	<b>(32.644.009.673)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(433.199.989)	(12.423.357.591)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		610.000.000	70.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		49.800.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.842.761.641	1.439.308
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>48.819.561.652</b>	<b>(12.351.918.283)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

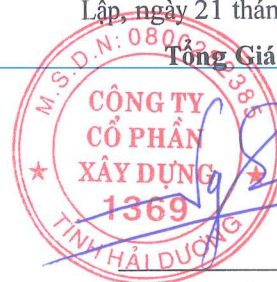
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	118.628.421.190	130.726.938.237
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(103.019.201.337)	(83.783.720.279)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(1.539.832.998)	(1.113.850.499)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14.069.386.855</b>	<b>45.829.367.459</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(4.021.431.061)</b>	<b>833.439.503</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>13.813.646.236</b>	<b>1.176.412.894</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(162.226)	109.753
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>9.792.052.949</b>	<b>2.009.962.150</b>

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thụy

Trần Thị Tuyết

Lê Tuấn Nghĩa



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi;
- Bán buôn khoáng sản đá đã qua chế biến;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản đầu tư.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Công ty**

***Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập***

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập là Chi nhánh Công ty Cổ phần 1369 Quảng Bình, địa chỉ tại thôn 3B, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 97 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 99 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng phát sinh giao dịch phải trả.

### **3. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08

#### 9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	14 - 15

#### 10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	08

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, thành phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, thành phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

---

#### **16. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	7.606.072.128	555.775.688
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.185.980.821	13.257.870.548
<b>Cộng</b>	<b><u>9.792.052.949</u></b>	<b><u>13.813.646.236</u></b>

##### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đông, giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Hợp đồng tiền gửi này đã được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đông.

##### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>5.061.998.749</i></b>	<b><i>4.657.519.454</i></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Hà Nội	5.061.998.749	3.940.862.220
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Lương Sơn	-	685.157.238
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu T&T	-	31.499.996
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>61.887.765.862</i></b>	<b><i>65.897.536.813</i></b>
TS Global Procurement Co.Pte.Ltd	20.789.909.456	19.650.951.287
Cemcoa Limited	-	7.874.184.000
Pacific Trading Pte.,Ltd	4.803.711.153	17.786.070.240
Công ty Cổ phần Xây dựng - Du lịch Hà Hải	9.748.015.000	-
Các khách hàng khác	26.546.130.253	20.586.331.286
<b>Cộng</b>	<b><u>66.949.764.611</u></b>	<b><u>70.555.056.267</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>27.531.088.711</i>	<i>11.134.697.631</i>
Công ty Cổ phần Máy xây dựng Vinabima Tiên Sơn	8.410.000.000	8.410.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh - Xí nghiệp Đá Thống Nhất	7.719.805.262	-
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Đông Á	3.336.852.480	-
Các nhà cung cấp khác	8.064.430.969	2.724.697.631
<b>Cộng</b>	<b>27.531.088.711</b>	<b>11.134.697.631</b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là các khoản cho vay cá nhân có thời hạn 6 tháng. Toàn bộ các khoản cho vay đã được thu hồi trong kỳ.

**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.000.000.000</i>	-	-	-
Ông Phạm Tiến Quỳnh - Tạm ứng <sup>(i)</sup>	1.000.000.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>27.065.663.331</i>	-	<i>1.070.610.621</i>	-
Tạm ứng <sup>(i)</sup>	25.600.000.000	-	13.768.390	-
Ký quỹ, ký cược	670.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thuế GTGT	537.058.850	-	659.771.996	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội - Thuế GTGT	92.060.605	-	109.321.969	-
Tạm ứng kinh phí giải phóng mặt bằng	147.943.000	-	147.943.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.600.876	-	39.805.266	-
<b>Cộng</b>	<b>28.065.663.331</b>	<b>-</b>	<b>1.070.610.621</b>	<b>-</b>

<sup>(i)</sup> Các khoản tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện Dự án, thời gian hoàn ứng trong vòng 06 tháng.

**6b. Phải thu ngắn hạn khác**

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.336.174.106	-	9.942.777.042	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	19.440.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang <sup>(i)</sup>	133.776.378.509	-	123.060.950.892	-
Hàng hóa	16.911.241.100	-	13.622.988.625	-
Hàng hóa bất động sản	1.594.137.645	-	6.110.886.276	-
<b>Cộng</b>	<b>161.617.931.360</b>	<b>-</b>	<b>152.757.042.835</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**<sup>(i)</sup> Chi tiết theo các công trình, dự án như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án BĐS Thôn Cả - Đồng Côi - Bắc Ninh	87.282.743.909	73.599.047.942
Dự án BĐS Ninh Xá - Bắc Ninh	34.166.480.130	33.212.789.191
Các công trình, dự án khác	12.327.154.470	16.249.113.759
<b>Cộng</b>	<b><u>133.776.378.509</u></b>	<b><u>123.060.950.892</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	175.334.599	153.472.462
Chi phí bảo hiểm	81.586.087	48.548.518
Chi phí trả trước khác	3.799.997	11.399.999
<b>Cộng</b>	<b><u>260.720.683</u></b>	<b><u>213.420.979</u></b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	364.212.802	272.394.762
Chi phí Nhà điều hành các dự án	640.782.828	854.377.104
<b>Cộng</b>	<b><u>1.004.995.630</u></b>	<b><u>1.126.771.866</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.130.060.645	23.636.272.109	16.288.348.180	41.054.680.934
Mua trong kỳ	-	344.913.989	611.049.636	955.963.625
Thanh lý, nhượng bán	(339.018.192)	-	(945.490.909)	(1.284.509.101)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>791.042.453</u></b>	<b><u>23.981.186.098</u></b>	<b><u>15.953.906.907</u></b>	<b><u>40.726.135.458</u></b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn

sử dụng	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	470.858.498	9.323.894.801	5.322.605.224	15.117.358.523
Khấu hao trong kỳ	107.355.738	1.328.626.536	1.003.219.167	2.439.201.441
Thanh lý, nhượng bán	(174.325.348)	-	(351.694.683)	(526.020.031)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>403.888.888</u></b>	<b><u>10.652.521.337</u></b>	<b><u>5.974.129.708</u></b>	<b><u>17.030.539.933</u></b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	659.202.147	14.312.377.308	10.965.742.956	25.937.322.411
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>387.153.565</u></b>	<b><u>13.328.664.761</u></b>	<b><u>9.979.777.199</u></b>	<b><u>23.695.595.525</u></b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.866.988.204 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị, chi tiết:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.902.686.365	1.436.238.497	13.466.447.868
Tăng trong kỳ	-	487.687.746	(487.687.746)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.902.686.365</b>	<b>1.923.926.243</b>	<b>12.978.760.122</b>

#### 11. Bất động sản đầu tư

##### *Bất động sản đầu tư cho thuê*

Là giá trị nhà tại cửa hàng lương thực Sao Đỏ, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, cụ thể:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.500.000.000	109.374.999	3.390.625.001
Tăng trong kỳ	-	218.749.998	(218.749.998)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>328.124.997</b>	<b>3.171.875.003</b>

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>390.000.000</b>	<b>330.000.000</b>
Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương	390.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	-	330.000.000
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>47.339.997.938</b>	<b>67.677.295.815</b>
Công ty TNHH MTV Bom mìn, vật liệu nổ 319	16.432.236.600	5.001.155.300
Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp Môi trường Việt Nam	6.852.675.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Thủy	5.367.787.424	4.420.170.720
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh - Xí nghiệp Đá Thống Nhất	-	20.225.250.260
Các nhà cung cấp khác	18.687.298.914	38.030.719.535
<b>Cộng</b>	<b>47.729.997.938</b>	<b>68.007.295.815</b>

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b>13.524.707.766</b>	<b>14.375.478.202</b>
Công ty TNHH Viễn Đông	8.704.000.000	8.704.000.000
KH Longkou Weiyang Cement Imports & Exports Co.,Ltd	2.315.501.375	2.315.501.375
Trung tâm Quản lý và Khai thác CTCC	-	2.700.000.000
Các khách hàng khác	2.505.206.391	655.976.827
<b>Cộng</b>	<b>13.524.707.766</b>	<b>14.375.478.202</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	844.487.945	-	491.898.275	(766.184.156)	570.202.064	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	201.724.253	(201.724.253)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	927.985.164	13.315.699.593	(12.387.727.556)	-	13.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.016.217.636	-	586.445.410	(357.422.984)	1.245.240.062	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.340.501	-	14.946.875	-	66.287.376	-
Thuế nhà đất	-	-	24.931.706	(24.931.706)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	572.619.816	(572.619.816)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.912.046.082</b>	<b>927.985.164</b>	<b>15.208.265.928</b>	<b>(14.310.610.471)</b>	<b>1.881.729.502</b>	<b>13.127</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu xuất khẩu đã
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm trong nước, dịch vụ, bất động sản

Không chịu thuế  
10%**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.135.744.849	3.335.601.981
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	768.691.289	883.042.913
- Các khoản điều chỉnh tăng	907.387.675	897.885.856
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	-	70.000.000
Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.	95.674.000	
Thuế bị phạt, truy thu	659.398.908	739.974.919
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	14.762.000	15.945.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ	137.552.767	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm trước	-	71.965.270
- Các khoản điều chỉnh giảm	(138.696.386)	(14.842.943)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	(14.842.943)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền, phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm trước	(138.696.386)	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>2.904.436.138</b>	<b>4.218.644.894</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>580.887.228</b>	<b>843.728.979</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>5.558.182</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>586.445.410</b>	<b>843.728.979</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>953.287.500</b>	<b>876.576.847</b>
Dự trả chi phí lãi vay	-	92.700.000
Trích trước chi phí Dự án Thôn Cả - Bắc Ninh	-	637.724.687
Chi phí hoa hồng môi giới xuất khẩu	953.287.500	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	146.152.160
<b>Cộng</b>	<b>953.287.500</b>	<b>876.576.847</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là tiền nhận trước cho thuê bất động sản đầu tư.

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>91.000.000</b>	-
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2019	91.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>4.500.000.000</b>	-
Cổ tức phải trả	4.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.591.000.000</b>	-

#### 18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

##### 18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan – Ông Lê Anh Luân <sup>(i)</sup></i>	<b>11.975.206.000</b>	<b>12.151.906.000</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>99.165.553.868</b>	<b>80.547.625.676</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hải Dương <sup>(ii)</sup>	34.421.245.588	27.747.772.601
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương <sup>(iii)</sup>	19.051.465.650	19.448.896.180
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đông <sup>(iv)</sup>	21.922.554.485	19.233.710.895
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương <sup>(v)</sup>	6.078.330.945	8.370.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Dương <sup>(vi)</sup>	17.691.957.200	5.747.246.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	-	<b>2.681.000.000</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<b>468.000.000</b>	<b>608.000.000</b>
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<b>3.116.449.996</b>	<b>3.079.665.996</b>
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.736.700.000	2.699.916.000
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	379.749.996	379.749.996
<b>Cộng</b>	<b>114.725.209.864</b>	<b>99.068.197.672</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản ông Lê Anh Luân để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất 6%/năm, thời gian vay không quá 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hải Dương với hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại và xây dựng với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty và tài sản của các bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty và tài sản của các bên thứ ba.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đông với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty và tài sản của các bên thứ ba.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương với hạn mức tín dụng là 22.500.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại và thi công xây dựng giai đoạn 2019-2020 với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty và tài sản của các bên thứ ba.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Dương với hạn mức tín dụng là 11.650.000.000 VND để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu sản xuất, xây dựng, vận tải với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 10 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty và tài sản của các bên thứ ba.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay bên liên quan	Vay ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	12.151.906.000	80.547.625.676	2.681.000.000	608.000.000	3.079.665.996	99.068.197.672
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	10.382.500.000	108.245.921.190	-	-	-	118.628.421.190
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	144.000.000	1.576.616.998	1.720.616.998
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(10.559.200.000)	(89.495.001.337)	(2.681.000.000)	(284.000.000)	(1.539.832.998)	(104.559.034.335)
CLTG đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	(132.991.661)	-	-	-	(132.991.661)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.975.206.000</b>	<b>99.165.553.868</b>	<b>-</b>	<b>468.000.000</b>	<b>3.116.449.996</b>	<b>114.725.209.864</b>

#### 18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</i> <sup>(i)</sup>	<i>140.000.000</i>	<i>284.000.000</i>
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>3.095.558.009</i>	<i>4.672.175.007</i>
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(ii)</sup>	2.430.995.500	3.817.737.500
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội <sup>(iii)</sup>	664.562.509	854.437.507
<b>Cộng</b>	<b>3.235.558.009</b>	<b>4.956.175.007</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương để mua sắm xe ô tô và xe tải với thời hạn vay 36 và 48 tháng, lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Nợ thuê tài chính phải trả Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng thuê tài chính máy móc thiết bị với tổng giá trị 14.224.135.000 VND, lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Thời hạn vay 48 tháng. Các hợp đồng được bảo đảm bằng các khoản tiền ký cược với tổng giá trị là 334.500.000 VND.
- (iii) Nợ thuê tài chính phải trả Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thuê tài chính máy móc thiết bị với giá trị 2.170.000.000 VND, lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Thời hạn vay 48 tháng. Hợp đồng được bảo đảm bằng khoản tiền ký cược với giá trị là 43.400.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	608.000.000	468.000.000	140.000.000	-
Nợ thuê tài chính	6.212.008.005	3.116.449.996	3.095.558.009	-
<b>Cộng</b>	<b>6.820.008.005</b>	<b>3.584.449.996</b>	<b>3.235.558.009</b>	-
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	892.000.000	608.000.000	284.000.000	-
Nợ thuê tài chính	7.751.841.003	3.079.665.996	4.672.175.007	-
<b>Cộng</b>	<b>8.643.841.003</b>	<b>3.687.665.996</b>	<b>4.956.175.007</b>	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	284.000.000	4.672.175.007	4.956.175.007
Số tiền vay đã trả	-	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(144.000.000)	(1.576.616.998)	(1.720.616.998)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>140.000.000</b>	<b>3.095.558.009</b>	<b>3.235.558.009</b>

## 19. Vốn chủ sở hữu

### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	6.275.572.481	106.275.572.481
Lợi nhuận trong kỳ	-	2.491.873.002	2.491.873.002
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>8.767.445.483</b>	<b>108.767.445.483</b>
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	6.196.432.888	156.196.432.888
Lợi nhuận trong kỳ	-	1.549.299.439	1.549.299.439
Chia cổ tức năm 2019	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	(91.000.000)	(91.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>3.154.732.327</b>	<b>153.154.732.327</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 19c. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01 /NQ-ĐHĐCĐ.2020 ngày 27 tháng 3 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	: 4.500.000.000
• Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	: 91.000.000

#### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

##### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 1.590,79 USD (số đầu năm là 279.618,05 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	95.275.634.300	103.801.694.858
Doanh thu bán thành phẩm	14.050.662.788	17.227.803.026
Doanh thu cung cấp dịch vụ	253.636.365	159.500.000
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.948.403.749	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	22.680.826.845	20.731.183.741
<b>Cộng</b>	<b><u>137.209.164.047</u></b>	<b><u>141.920.181.625</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Hà Nội</b>		
Doanh thu xây dựng	2.367.851.390	8.241.558.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Sứ Hải Dương</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	1.727.273	-

**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	87.816.582.328	92.378.531.170
Giá vốn bán thành phẩm	11.760.236.065	14.847.354.688
Giá vốn cung cấp dịch vụ	243.749.998	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.516.748.631	-
Giá vốn hợp đồng xây dựng	21.452.804.850	18.073.700.084
<b>Cộng</b>	<b>125.790.121.872</b>	<b>125.299.585.942</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.641.018	1.439.308
Lãi tiền cho vay	1.842.761.641	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	477.013.105	125.295.611
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	14.842.943
<b>Cộng</b>	<b>2.321.415.764</b>	<b>141.577.862</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.914.365.382	3.061.865.327
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	380.405.075	1.581.132
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.891.106	-
Chi phí tài chính khác	-	3.400.000
<b>Cộng</b>	<b>3.298.661.563</b>	<b>3.066.846.459</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng	1.998.133.250	2.129.425.425
Chi phí giám định hàng	1.069.648.384	890.261.680
Chi phí cảng vụ, hàng lên tàu	829.131.986	941.981.132
Các chi phí khác	349.655.663	1.037.540.341
<b>Cộng</b>	<b>4.246.569.283</b>	<b>4.999.208.578</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.250.369.982	1.652.546.388
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.116.711	121.609.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	373.792.202	404.308.449
Thuế, phí và lệ phí	271.382.571	174.592.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.413.276	1.908.167.915
Các chi phí khác	662.797.347	861.419.050
<b>Cộng</b>	<b>4.379.872.089</b>	<b>5.122.643.583</b>

**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	51.510.930	-
<i>Trong đó: Tiền thu từ thanh lý</i>	<i>810.000.000</i>	
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	<i>758.489.070</i>	
Thường tiến độ hợp đồng	914.215.457	722.153.379
Thu nhập khác	14.066.900	3.882.265
<b>Cộng</b>	<b>979.793.287</b>	<b>726.035.644</b>

**8. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	73.283.669
Phạt chậm nộp, truy thu thuế	659.398.908	739.974.919
Chi phí khác	4.534	150.650.000
<b>Cộng</b>	<b>659.403.442</b>	<b>963.908.588</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.549.299.439	2.491.873.002
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.549.299.439	2.491.873.002
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>103</b>	<b>249</b>

##### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.892.917.573	12.146.389.877
Chi phí nhân công	4.651.509.982	6.727.262.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.145.639.185	2.369.959.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.424.971.901	54.673.179.415
Chi phí khác	1.457.671.324	1.514.001.513
<b>Cộng</b>	<b>51.572.709.965</b>	<b>77.430.793.192</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Lê Anh Luân</b>		
Vay Ông Lê Anh Luân	10.382.500.000	-
Trả gốc vay Ông Lê Anh Luân	10.559.200.000	-
Lãi vay phải trả	298.937.499	-
Ông Lê Minh Tân và Bà Phạm Thị Thế - Thu hồi gốc và lãi cho vay	12.507.178.083	-
Ông Vương Anh Tuấn và Bà Nguyễn Thị Chiền - Thu hồi gốc cho vay	3.000.000.000	-
Ông Nguyễn Tiến Vang và Bà Phạm Thị Mến - Thu hồi gốc và lãi cho vay	1.767.813.698	-
Ông Phạm Tiến Quỳnh - Tạm ứng	1.000.000.000	-

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6 và V.17.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	194.142.308	183.829.846
Thù lao	-	91.000.000
<b>Cộng</b>	<b>194.142.308</b>	<b>274.829.846</b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Hà Nội	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Lương Sơn	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu T&T	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xi măng Phúc Lộc	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Vật liệu xây dựng Phúc Thịnh	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cao Lanh Hải Dương	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Sứ Hải Dương	Có cùng thành viên quản lý chủ chốt

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Trọng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương - Mua hàng hóa	718.181.818	3.847.239.634
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trường Thành - Mua hàng hóa	-	400.680.000

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại
- Lĩnh vực đầu tư Bất động sản
- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực đầu tư Bất động sản	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Kỳ này</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	95.275.634.300	4.948.403.749	22.680.826.845	14.304.299.153	137.209.164.047
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>95.275.634.300</b>	<b>4.948.403.749</b>	<b>22.680.826.845</b>	<b>14.304.299.153</b>	<b>137.209.164.047</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.459.051.972	431.655.118	1.228.021.995	2.300.313.090	11.419.042.175
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(8.626.441.372)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					2.792.600.803
Doanh thu hoạt động tài chính					2.321.415.764
Chi phí tài chính					(3.298.661.563)
Thu nhập khác					979.793.287
Chi phí khác					(659.403.442)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(586.445.410)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>1.549.299.439</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>					<b>636.805.116</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					<b>3.471.020.548</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369**

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực đầu tu Bất động sản	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Kỳ trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	103.801.694.858	-	20.731.183.741	17.387.303.026	141.920.181.625
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>103.801.694.858</b>	<b>-</b>	<b>20.731.183.741</b>	<b>17.387.303.026</b>	<b>141.920.181.625</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.423.163.688	-	2.657.483.657	2.539.948.338	16.620.595.683
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(10.121.852.161)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.498.743.522
Doanh thu hoạt động tài chính					141.577.862
Chi phí tài chính					(3.066.846.459)
Thu nhập khác					726.035.644
Chi phí khác					(963.908.588)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(843.728.979)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>2.491.873.002</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>					<b>6.797.649.091</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					<b>2.369.959.726</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực đầu tư Bất động sản	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	73.133.675.751	150.736.286.684	30.701.583.556	7.263.557.010	261.835.103.001
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					78.070.210.813
<b>Tổng tài sản</b>					<b>339.905.313.814</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.382.373.778	18.007.400.300	11.486.401.719	109.090.908	53.985.266.705
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					132.765.314.782
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>186.750.581.487</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực đầu tư Bất động sản	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	79.726.826.496	113.338.339.409	21.829.560.609	7.094.429.278	221.989.155.792
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					123.403.046.721
<b>Tổng tài sản</b>					<b>345.392.202.513</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	51.574.665.806	9.285.463.987	11.648.163.332	-	72.508.293.125
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					116.687.476.500
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>189.195.769.625</b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Số liệu so sánh

Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.448.510.621	(377.900.000)	1.070.610.621	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	-	377.900.000	377.900.000	(i)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ</b>					
Giá vốn hàng bán	11	115.646.573.873	9.653.012.069	125.299.585.942	(ii)
Chi phí bán hàng	25	14.652.220.647	(9.653.012.069)	4.999.208.578	(ii)

(i) Phân loại lại các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

(ii) Phân loại lại các khoản chi phí liên quan đến mua hàng hóa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ: Số 37, 38 phố Dã Tượng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-ĐHĐCĐBT.2020 ngày 01 tháng 8 năm 2020 đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ 15.000.000 cổ phiếu (tương đương 150.000.000.000 VND). Số tiền thu được từ đợt phát hành được dùng để thực hiện hoạt động M&A, trả các khoản vay đến hạn và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thụy

Kế toán trưởng

Trần Thị Tuyết

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0800282385  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG  
1369  
TỈNH HẢI DƯƠNG

Lê Tuấn Nghĩa